

Post: Contact:
Air Navigation Department
119 Nguyen Son Str.,
Bo De Ward,
Ha Noi, Viet Nam
Tel: +84 24 38274191
Fax: +84 24 38274194
E-mail: and@caa.gov.vn
Web: http://caa.gov.vn

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM



AIP SUP
19/26
Có hiệu lực từ
Effective from
20 MAR 2026
Được xuất bản
vào Published on
20 MAR 2026

THI CÔNG SỬA CHỮA CÁC TẮM BÊ TÔNG XI MĂNG HƯ HỎNG TRÊN ĐƯỜNG LẤN V TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ NỘI BÀI (VVNB)

1 GIỚI THIỆU

Tập bổ sung AIP này thông báo các nội dung sau tại Cảng HKQT Nội Bài (VVNB):

- Thi công sửa chữa các tẩm bê tông xi măng hư hỏng trên đường lăn V tại khu vực nút giao với vệt lăn dẫn vào vị trí đỗ tàu bay số 46.
(Các NOTAM A0524/26; A0525/26; A0526/26; A0527/26; A0528/26 đã được phát hành để thông báo về nội dung này).
- Hủy bỏ hệ thống dẫn đỗ tàu bay (VDGS) tại vị trí đỗ số 12B.
(NOTAM A0482/26 đã được phát hành để thông báo về nội dung này).

2 CHI TIẾT

2.1 Thời gian áp dụng: 24/24 (từ 2300 ngày 02/03/2026 đến 0300 ngày 10/06/2026)

2.2 Khu vực thi công:

Phạm vi thi công có kích thước 68x130 m; cách tim vệt lăn W5 về phía Tây là 48 m, cách tim vệt lăn vào vị trí đỗ 47 về phía Bắc là 54 m.

Chi tiết xem tại trang 3.

2.3 Khu vực tạm dừng khai thác:

- Đường lăn V: Đoạn từ vị trí cách tim vệt lăn W5 về phía Tây là 48m, cách tim vệt lăn vào vị trí đỗ 44 về phía Đông là 124.95 m.
- Vị trí đỗ 46: Tạm dừng khai thác cầu hành khách và hệ thống dẫn đỗ tàu bay (VDGS).

(Các NOTAM A0524/26; A0525/26; A0526/26 đã được phát hành để thông báo về nội dung này).

2.4 Điều chỉnh phương án khai thác và phương thức vận hành trong thời gian thi công:

- Vị trí đỗ 45:
 - Từ 2300 ngày 2/3/2026 đến 0259 ngày 15/5/2026: Khai thác đến tàu bay code C và tương đương (sải cánh tối đa đến dưới 36 m).
 - Từ 0300 ngày 15/5/2026 đến 0300 ngày 10/6/2026: Khai thác đến tàu bay code E và tương đương (sải cánh tối đa đến dưới 65 m).

(Các NOTAM A0527/26; A0528/26 đã được phát hành để thông báo về nội dung này).

REPAIR CONSTRUCTION OF DAMAGED CEMENT CONCRETE SLABS ON TAXIWAY V AT NOI BAI INTERNATIONAL AIRPORT (VVNB)

1 INTRODUCTION

This AIP Supplement issues notification the contents of at Noi Bai International Airport (VVNB) as follows:

- The repair works of damaged cement concrete slabs on TWY V at the intersection with the lead-in line to aircraft stand 46.
(NOTAMs A0524/26, A0525/26, A0526/26, A0527/26 and A0528/26 have been issued to notify this information).
- Withdrawal of VDGS at stand 12B.
(NOTAM A0482/26 has been issued to notify this information).

2 DETAILS

2.1 Applicable period: H24 (from 2300 on 2 MAR 2026 to 0300 on 10 JUN 2026)

2.2 Construction area:

The construction area measures of 68x130 m; 48 m from CL of TWY W5 to the West and 54 m from the CL of the lead-in line to aircraft stand 47 to the North.

See page 3 for details.

2.3 Temporarily closed area:

- TWY V: The portion of 48 m from the CL of TWY W5 to the West and 124.95 m from the CL of the lead-in line to aircraft stand 44 to the East.
- Stand 46: Passenger boarding bridge and the Visual Docking Guidance System (VDGS).

(NOTAMs A0524/26, A0525/26, A0526/26 have been issued to notify this information).

2.4 Adjustment of operational procedures during the construction period:

- Stand 45:
 - From 2300 on 2 MAR 2026 to 0259 on 15 MAY 2026: Used for aircraft up to code C and equivalent (wingspan up to but not including 36 m).
 - From 0300 on 15 MAY 2026 to 0300 on 10 JUN 2026: Used for aircraft up to code E and equivalent (wingspan up to but not including 65 m).

(NOTAMs A0527/26; A0528/26 have been issued to notify this information).

2.4.1 Đối với tàu bay đến:

- Vị trí đỗ từ 2 đến 45: Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V1/V2/V3/V4/V5 → đường lăn V → vị trí đỗ.
- Vị trí đỗ từ 47 đến 58, 1H, 2H, 3H, 9H: Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V6/V7 → đường lăn V → vị trí đỗ.
- Các vị trí đỗ khác: Áp dụng theo phương thức hiện hành.

2.4.2 Đối với tàu bay đi:

- Vị trí đỗ 44, 44A, 45:
 - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V → vệt lăn W3, mũi quay hướng Bắc để khởi hành.
 - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V (phía sau đuôi vị trí đỗ 28/29), mũi quay hướng Đông để khởi hành theo đường lăn V5.
- Vị trí đỗ 47, 48, 49:
 - Khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 50/51: Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vị trí đỗ 50/51.
 - Đối với loại tàu bay code D (sải cánh dưới 52 m) và tương đương trở xuống và khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 52: Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vị trí đỗ 52.
 - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vệt lăn W5 → đường lăn V, mũi quay hướng Tây để khởi hành theo V6 (khi vị trí 47A, 48A không có tàu bay đỗ).
- Các vị trí đỗ khác: Áp dụng theo phương thức hiện hành.
- Đối với tàu bay kéo đẩy sang sân đỗ VAECO: Tàu bay kéo đẩy theo đường S → đường lăn V6/V7 → đường lăn V → vị trí đỗ.

3 HỦY BỎ

Tập bổ sung AIP này sẽ hủy bỏ các NOTAM sau: A0482/26; A0524/26; A0525/26; A0526/26; A0527/26; A0528/26.

4 HIỆU LỰC

Tập bổ sung AIP này có hiệu lực đến 03h00 ngày 10/6/2026.

- HẾT -

2.4.1 For arrival aircraft:

- Aircraft stands from 2 to 45: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V1/V2/V3/V4/V5 → TWY V → stand.
- Aircraft stands from 47 to 58, 1H, 2H, 3H, 9H: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V6/V7 → TWY V → stand.
- Other aircraft stands: Apply the current operational procedure.

2.4.2 For departure aircraft:

- Stands 44, 44A, 45:
 - Aircraft are pushed back from stand → TWY V → taxiway W3, with its nose facing North for departure.
 - Aircraft are pushed back from the stand → TWY V (behind aircraft stand 28/29), with its nose facing East for departure via TWY V5.
- Stands 47, 48, 49:
 - When there is no aircraft parking at aircraft stand 50/51: Aircraft are pushed back from stand → aircraft stand 50/51.
 - For aircraft code D (wingspan up to but not including 52 m) and equivalent, and when there is no aircraft parking at aircraft stand 52: Aircraft are pushed back from the stand → aircraft stand 52.
 - Aircraft are pushed back from the stand → taxiway W5 → TWY V, with its nose facing West for departure via TWY V6 (when there is no aircraft parking at aircraft stands 47A and 48A).
- Other aircraft stands: Apply the current operational procedure.
- For aircraft towed/pushed to the VAECO apron: Aircraft are towed/pushed via TWY S → TWY V6/V7 → TWY V → stand.

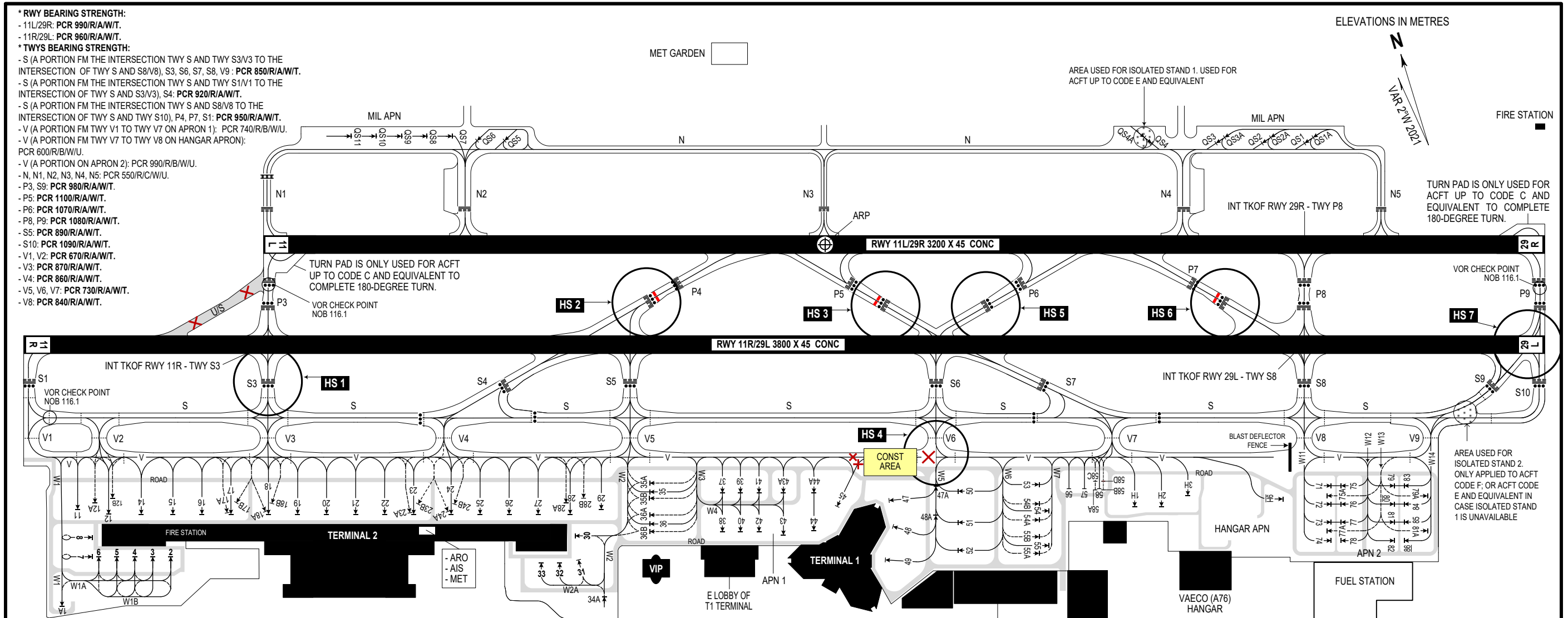
3 CANCELLATION

This AIP Supplement shall supersede the following NOTAMs: A0482/26, A0524/26, A0525/26, A0526/26, A0527/26 and A0528/26.

4 EFFECT

This AIP Supplement shall become effective to 0300 on 10 JUN 2026.

- END -



- * RWY BEARING STRENGTH:**
 - 11L/29R: PCR 990/R/A/W/T.
 - 11R/29L: PCR 960/R/A/W/T.
*** TWYS BEARING STRENGTH:**
 - S (A PORTION FM THE INTERSECTION TWY S AND TWY S3/V3 TO THE INTERSECTION OF TWY S AND S8/V8), S3, S6, S7, S8, V9: PCR 850/R/A/W/T.
 - S (A PORTION FM THE INTERSECTION TWY S AND TWY S1/V1 TO THE INTERSECTION OF TWY S AND S3/V3), S4: PCR 920/R/A/W/T.
 - S (A PORTION FM THE INTERSECTION TWY S AND S8/V8 TO THE INTERSECTION OF TWY S AND TWY S10), P4, P7, S1: PCR 950/R/A/W/T.
 - V (A PORTION FM TWY V1 TO TWY V7 ON APRON 1): PCR 740/R/B/W/U.
 - V (A PORTION FM TWY V7 TO TWY V8 ON HANGAR APRON): PCR 600/R/B/W/U.
 - V (A PORTION ON APRON 2): PCR 990/R/B/W/U.
 - N, N1, N2, N3, N4, N5: PCR 550/R/C/W/U.
 - P3, S9: PCR 980/R/A/W/T.
 - P5: PCR 1100/R/A/W/T.
 - P6: PCR 1070/R/A/W/T.
 - P8, P9: PCR 1080/R/A/W/T.
 - S5: PCR 890/R/A/W/T.
 - S10: PCR 1090/R/A/W/T.
 - V1, V2: PCR 670/R/A/W/T.
 - V3: PCR 870/R/A/W/T.
 - V4: PCR 860/R/A/W/T.
 - V5, V6, V7: PCR 730/R/A/W/T.
 - V8: PCR 840/R/A/W/T.

CONST AREA: FM 2300 ON 02 MAR 2026 TO 0300 ON 10 JUN 2026.
1. TEMPORARILY CLOSED AREA:
 - TWY V: THE PORTION OF 48 M FROM THE CL OF TWY W5 TO THE WEST AND 124.95 M FROM THE CL OF THE LEAD-IN LINE TO AIRCRAFT STAND 44 TO THE EAST.
 - STAND 46 AND VDGS AT STAND 46
2. OPERATIONAL PROCEDURES OF ACFT STANDS:
 - STAND 45:
 + FM 2300 ON 02 MAR 2026 TO 0259 ON 15 MAY 2026, USED FOR ACFT UP TO CODE C AND EQUIVALENT (WINGSPAN UP TO BUT NOT INCLUDING 36 M)
 + FM 0300 ON 15 MAY 2026 TO 0300 ON 10 JUN 2026, USED FOR ACFT UP TO CODE E AND EQUIVALENT (WINGSPAN UP TO BUT NOT INCLUDING 65 M)

NOTES:
*** APRON BEARING STRENGTH:**
 - APRON 1 (STANDS 1A, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8): PCR 720/R/A/W/T.
 - APRON 1 (STANDS 30, 31, 32, 33, 34A): PCR 770/R/A/W/T.
 - APRON 1 (STANDS 11, 12, 12A, 12B, 14, 15, 16, 17, 17A, 17B, 18, 18A, 18B, 19, 20, 21, 22, 23, 23A, 23B, 24, 24A, 24B, 25, 26, 27, 28, 28A, 28B, 29, 35, 35A, 35B, 36, 36A, 36B): PCR 820/R/A/W/T.
 - APRON 1 (STANDS 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 43A, 44, 44A, 45, 46, 47, 47A, 48, 48A, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 54A, 54B, 55, 55A, 55B, 56, 57, 58, 58A, 58B, 58C, 58D): PCR 690/R/A/W/T.
 - APRON 2 (STANDS 71, 72, 73, 74, 75, 75A, 76, 77, 77A, 78, 79, 79A, 80, 81, 81A, 82, 83, 84, 85, 86): PCR 840/R/A/W/T.
 - APRON HANGAR (1H, 2H, 3H, 9H): PCR 600/R/B/W/U.
 - MILITARY APRON (QS1, QS2, QS3, QS4, QS5, QS6, QS7, QS8, QS9, QS10, QS11): PCR 550/R/C/W/U.
 ALL ARE CEMENT CONCRETE.
*** COMMERCIAL OPERATION ACFT STANDS:**
 - STANDS 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 11, 12A, 12B, 28A, 28B, 29, 30, 31, 32, 33, 35B, 36A, 36B, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43A, 44A, 46, 53, 54A, 54B, 55A, 55B, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 3H, 9H USED FOR ACFT A321 AND EQUIVALENT, WINGSPAN UP TO BUT NOT INCLUDING 36 M.
 - STANDS 12, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 43, 44, 45, 47, 48, 49, 50, 51 USED FOR ACFT B747-400 AND EQUIVALENT, WINGSPAN UP TO BUT NOT INCLUDING 65 M.
 - STANDS 52, 1H USED FOR ACFT B767-400 AND EQUIVALENT, WINGSPAN UP TO BUT NOT INCLUDING 52 M.
 - STANDS 14, 28, 75A, 79A USED FOR ACFT A380 AND EQUIVALENT, WINGSPAN UP TO BUT NOT INCLUDING 80 M.
 - STANDS 35, 56, 57, 77A, 81A USED FOR ACFT B747-8F AND EQUIVALENT, WINGSPAN UP TO BUT NOT INCLUDING 68.5 M.
 - STANDS 35A, 56, 57, 58 USED FOR ACFT GULFSTREAM G650ER AND EQUIVALENT, WINGSPAN UP TO BUT NOT INCLUDING 30.5 M.
 - STANDS 58A, 58B, 58C, 58D USED FOR ACFT CESSNA 208B EX AND EQUIVALENT, WINGSPAN UP TO BUT NOT INCLUDING 16 M.
 - STAND 2H USED FOR ACFT B747-400 AND EQUIVALENT, WINGSPAN UP TO BUT NOT INCLUDING 65 M.
*** PARKING/PARKING OVERNIGHT ACFT STANDS:**
 - STANDS 1A, 17A, 17B, 18A, 18B, 23A, 23B, 24A, 24B, 34A, 47A, QS1A, QS2A, QS3A, QS4A, QS5, QS6, QS7, QS8, QS9, QS10, QS11 USED FOR ACFT A321 AND EQUIVALENT, WINGSPAN UP TO BUT NOT INCLUDING 36 M.
 - STANDS 48A, QS1, QS2, QS3, QS4 USED FOR ACFT B747-400 AND EQUIVALENT, WINGSPAN UP TO BUT NOT INCLUDING 65 M.
*** OPERATIONAL LIMITATION**
 - APRON 1, 2: STANDS FM 1A, 2 TO 8, 31 TO 33; TAXILANE W1, W2 (A PORTION FM STANDS 36B TO 33); W4, W7, W11, W12, W14: USED FOR ACFT CODE C (WINGSPAN UP TO BUT NOT INCLUDING 36 M) AND EQUIVALENT.
 - FOR STANDS FM 1A, 2 TO 8, 31 TO 33, 37 TO 42 AND 71 TO 86: ACFT TAXIING WITHIN THE APRON 1 SHALL OPERATE AT MINIMUM ENGINE POWER.
*** ACFT STANDS 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 12, 28, 30, 31, 32, 33, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 43, 44, 45, 47, 48, 49 VDGS EQUIPPED.**
*** PILOTS FOLLOW ATC'S INSTRUCTIONS STRICTLY.**

REMARKS:
 - TWY P3:
 + WHEN AN ACFT IS HOLDING AT THE HOLDING POSITIONS OF RWY 11L/29R, RWY 11R/29L SHALL NOT BE USED FOR TAKE-OFF OR LANDING OPERATIONS.
 + WHEN AN ACFT IS HOLDING AT THE HOLDING POSITIONS OF RWY 11R/29L, RWY 11L/29R SHALL NOT BE USED FOR TAKE-OFF OR LANDING OPERATIONS.
 - TWYS P4/P5/P6/P7/P8/P9:
 + WHEN AN ACFT CODE D (WINGSPAN UP TO BUT NOT INCLUDING 52 M) AND EQUIVALENT IS HOLDING AT THE HOLDING POSITIONS FOR RWY 11L/29R, RWY 11R/29L MAY BE USED FOR TAKE-OFF OR LANDING OPERATIONS.
 + WHEN AN ACFT CODE D (WINGSPAN UP TO BUT NOT INCLUDING 52 M) AND EQUIVALENT IS HOLDING AT THE HOLDING POSITIONS FOR RWY 11R/29L, RWY 11L/29R MAY BE USED FOR TAKE-OFF OR LANDING OPERATIONS.
 - TWYS S1, S3, S5, S6, S8, S9: WHEN AN ACFT IS HOLDING AT THE NORTH INTERMEDIATE HOLDING POSITION ON TWY S, RWY 11R/29L SHALL NOT BE USED FOR TAKE-OFF OR LANDING OPERATIONS.
 - TWYS S3, S6, S8, S9: WHEN ACFT ON TWY S3/S6/S8/S9, OTHER ACFT MUST STOP BEFORE THE INTERMEDIATE HOLDING LINE AT INTERSECTIONS AND MUST NOT OPERATE ON TWY S (BEHIND/AFTER ACFT ON TWYS S3, S6, S8, S9).
 - TWYS S4, S5, S7: ONE-WAY OPS TO VACATE RWY 11R/29L.
 - TWYS V8, S10: TWO-WAY OPERATION FOR ACFT CODE C (WINGSPAN UP TO BUT NOT INCLUDING 36M) AND EQUIVALENT.
 - TWY V:
 + A PORTION FM TWY V1 TO TAXILANE W1 AND PORTION TWY V5 TO TWY V7: USE FOR ACFT CODE F (WINGSPAN UP TO BUT NOT INCLUDING 68.5 M) AND EQUIVALENT.
 + A PORTION OF TWY V (APRON 2) IS NOT YET CONNECTED TO TWY V (HANGAR APRON).
 - LANDING ACFT LEAVING RWY 11L/29R VIA TWY P3/P4/P5/P6/P7/P8/P9 MUST STOP BEFORE RWY 11R/29L UNTIL ATC CLEARED ALLOWED CROSS TWY 11R/29L.

LEGEND	
VOR CHECKPOINT AND FREQUENCY	NOB 116.1
HOT SPOT AND NAME	HS 1
ACFT STAND	18
ACFT STAND (CONDITIONAL)	18A
INTERMEDIATE HOLDING POSITION
RWY-HOLDING POSITION (PATTERN A)	
RWY-HOLDING POSITION (PATTERN B)	
SERVICE ROAD	ROAD
STOP BAR	●●●
ARP	⊕
CLOSED	X
BUILDINGS	■
WIP AREA	■
RUNWAY AHEAD	■ ■

CHANGES, RWY AND TWY BEARING STRENGTH, CONST AREA, NOTES.